TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 07 - 8 - 2019
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vi Thanh Hà**.
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:*
1. Bà **Nguyễn Thị Xuân**.
2. Bà **Vũ Thị Xuyến**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Như Quỳnh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:* Bà **Lê Thị Kiều Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 61/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 09/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 25/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST - DS ngày 22/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST - DS ngày 20/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST - DS ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV

Địa chỉ: Số 89 LH, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank; Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng SME (Theo Văn bản ủy quyền số: 11/2018/UQ - HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch HĐ quản trị Ngân hàng TMCP VNTV);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tuấn A: ông Lương Minh Th, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ TMCP VNTV (Theo văn bản ủy quyền số 3728 ngày 28/11/2018); Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 1, khu C phường PĐ, thành phố UB, tỉnh QN; Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Duy H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 1, khu C phường PĐ, thành phố UB, tỉnh QN; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VNTV trình bày:

Ngân hàng VPB ký kết hợp đồng tín dụng số 9443085 theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 21/9/2016 với chị Nguyễn Thị Phương N. Theo Hợp đồng, chị Nguyễn Thị Phương N vay Ngân hàng số tiền 104.000.000đ (một trăm linh bốn triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, với mục đích sử dụng vốn: cho vay tiêu dùng, vay tín chấp không có tài sản bảo đảm. Lãi suất cho vay: mức lãi suất 30%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần, ngày điều chỉnh đầu tiên 01/01/2017.

Tính đến ngày 28/02/2017, chị N đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là: 3.102.149 đồng tiền gốc và 10.715.079 đồng tiền lãi thì dừng trả nợ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu chị N thực hiện trả khoản nợ trên nhưng chị N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Tạm tính đến thời điểm xét xử, ngày 07/8/2019, chị Nguyễn Thị Phương N còn nợ Ngân hàng VPBtổng số tiền: 286.742.790đ (hai trăm tám mươi sáu triệu, bẩy trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi đồng), bao gồm nợ gốc là 100.897.851 đồng và nợ lãi là: 114.665.528 đồng, phạt chậm trả lãi lũy kế là 71.179.411 đồng (kèm theo bảng kê tính lãi tính đến ngày 07/8/2019).

Về tiền lãi: cách tính lãi được thực hiện theo thỏa thuận tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng. Lãi suất hàng tháng do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ cụ thể, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng này, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Ngày 07/3/2019, Ngân hàng VPB có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng yêu cầu chị N và anh H thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh. Như vậy, tạm tính đến thời điểm xét xử, ngày 07/8/2019, Ngân hàng yêu cầu chị N và anh H thanh toán toàn bộ số tiền: 215.563.379đ (hai trăm mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm bẩy mươi chín đồng), bao gồm nợ gốc là 100.897.851 đồng và nợ lãi là: 114.665.528 đồng. Yêu cầu trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi chị Nguyễn Thị Phương N và anh Trần Duy H thực tế thanh toán hết nợ cho VPB.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Phương N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Duy H đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N và anh H.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Phương N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Duy H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng : Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Thị Phương N có giao kết hợp đồng tín dụng (theo "Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 9443085" ký ngày 21/9/2016) với Ngân hàng VPB và được Ngân hàng phê duyệt ngày 27/9/2016. Do phía chị N vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường PĐ, thành phố Uông Bí, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ủy quyền cho ông Lương Minh Th và ông Hoàng Mạnh H làm người đại diện của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án (Văn bản ủy quyền số: 11/2018/UQ - HĐQT ngày 02/3/2018 và văn bản ủy quyền số 3728 ngày 28/11/2018), nên Tòa án triệu tập ông Lương Minh Th và ông Hoàng Mạnh H để tham gia tố tụng là đúng quy định.

[2.2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Trần Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật

tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2.3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.3.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Ngày 27/9/2016 chị Nguyễn Thị Phương N ký kết hợp đồng tín dụng số 9443085 với Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng cho vay số tiền 104.000.000đ (một trăm linh bốn triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, với mục đích sử dụng vốn: cho vay tiêu dùng, vay tín chấp không có tài sản bảo đảm. Lãi suất cho vay: mức lãi suất 30%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần, ngày điều chỉnh đầu tiên 01/01/2017**.** Như vậy, thể hiện, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với kh ách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước). Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[2.3.2] Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã thực hiện giải ngân cho bị đơn vay số tiền nợ gốc là 104.000.000đ (một trăm linh bốn triệu đồng). Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như thỏa thuận nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 9 Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4, Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Mặc dù, đây là khoản vay tiêu dùng, chỉ có chị N tham gia giao kết hợp đồng vay, tuy nhiên mục đích mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong thời kỳ hôn nhân nên anh H (là chồng chị N) vẫn phải có nghĩa vụ liên đới cùng với chị N trả nợ cho Ngân hàng là hợp lý, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 27, Điều 37 và Điều 60 luật hôn nhân và gia đình.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Theo sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có, từ ngày 27/9/2016 đến 30/9/2016, số tiền 104.000.000đ (một trăm linh bốn triệu đồng) chị Nguyễn Thị Phương N đã dùng để thanh toán phí bảo hiểm rủi ro cho khoản vay là 4.828.254đ, chuyển tới tài khoản khác: 10.400.000đ và thực hiện rút tiền từ tài khoản số tiền là 88.000.000đ. Số tiền 871.746đ, chị Nhung còn dư trong tài khoản đã dùng để thanh toán một phần lãi của khoản vay này vào ngày 27/10/2016. Số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến ngày 31/3/2017, tổng cộng 13.823.187 đồng (trong đó: gốc 3.102.149 đồng, lãi 10.715.079 đồng, phạt 5.959 đồng). Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký kết của

bị đơn, tính từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.4] Về yêu cầu trả nợ lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng , Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng , phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay xác định: Tính đến ngày 07/8/2019, Ngân hàng yêu cầu chị N và anh H thanh toán toàn bộ số tiền: 215.563.379đ (hai trăm mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi chín đồng), bao gồm nợ gốc là 100.897.851 đồng và nợ lãi là: 114.665.528 đồng. Đối với khoản lãi phạt chậm trả lũy kế, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện vào ngày 07/3/2019,trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không yêu cầu tính lãi phạt đối với số tiền gốc và lãi mà bị đơn chưa thanh toán từ ngày 31/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét cần chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[3] Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 9443085 ngày 27/9/2016 hai bên đã ký kết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Việc yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan buộc bị đơn phải trả tiền gốc và lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ký hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, sự thỏa thuận theo quy định của pháp luật, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo

Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước), nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 116, 288, 463, 466, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 27, Điều 37 và Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị Phương N và anh Trần Duy H phải trả cho Ngân hàng Thương mại VPB tổng số tiền nợ tính đến ngày 07/8/2019 là 215.563.379đ (hai trăm mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm bẩy mươi chín đồng), bao gồm nợ gốc là 100.897.851 đồng và nợ lãi là: 114.665.528 đồng (lãi trong hạn là 3.298.346đ và lãi quá hạn là 111.367.182đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị N và anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Trần Duy H cùng có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 10.778.000đ (mười triệu bẩy trăm bẩy mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Cổ phần VPB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000764 ngày 26 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần VPB được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Trần Duy H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Uông Bí;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**